

# ĐỔI MỚI “GỌI LÀ” VÀ ĐỔI MỚI “THỰC SỰ”

TÔN THẤT THIÊN

(Nhân đọc “Việt Nam Cần Đổi Mới Thực Sự”  
của Võ Nhân Trí, do Đông Á xuất bản, 2003)<sup>1</sup>

## Cần biết về tác giả

Đây là một tác phẩm *đặc biệt* về chế độ cộng sản Việt Nam. Đặc biệt không phải vì nó đề cập đến những vấn đề mới, đưa ra những dữ kiện và những quan điểm mới về chế độ đó. Những vấn đề, dữ kiện, và quan điểm này đã được nói đến nhiều trong 30 năm qua rồi, nên bàn về chúng không có gì đặc biệt. Cái đặc biệt là tính cách chính xác của những dữ kiện và nhận xét được đưa ra. Đây là đặc điểm của tác phẩm, và đặc điểm này có được vì tác giả là một người đặc biệt: ông có đồng thời một số điều kiện cần thiết để viết ra những điều rất chính xác khó phản bác được về chế độ đó. Điểm này làm tôi nhớ đến một câu của nhà văn hào Pháp André Gide: “La beauté est dans le regard, non dans la chose regardée”.... Cái đặc biệt là ở nơi tác giả, không phải nơi tác phẩm! Vì vậy, để hiểu tác phẩm, cần biết về tác giả.

Tôi đã được biết đến anh Võ Nhân Trí cách đây gần 40 năm, qua một tác phẩm của anh ấy, vào khoảng đầu thập niên 1960. Lúc đó tôi đang làm luận án Tiến sĩ ở Genève. Ở thư viện trường tôi có một quyển sách nói về kinh tế của Việt Nam (sau này được xuất bản với tít: *La Croissance économique de la République démocratique du Viet Nam, 1945-1967* (ELE, Hà Nội, 1967)). Tôi lấy sách đó về đọc. Lúc đó, tôi không biết Võ Nhân Trí là ai. Nhưng đọc được lối 10 trang, tôi liệng quyển sách đó xuống, vì nó sặc mùi “xã hội chủ nghĩa.” Tôi kết luận rằng Võ Nhân Trí là một “trí thức cộng sản.” Gần 30 năm sau tôi mới gặp lại anh “trí thức cộng sản” này, nhưng lúc đó anh chàng này lại sặc mùi chống cộng...

Tôi gặp anh Trí vào mùa hè năm 1988 ở Singapore, nhân dịp một hội thảo quốc tế lớn

về Việt Nam do trung tâm Information and Resource Center tổ chức. Lúc đó anh đang là học giả được Singapore Institute of Southeast East Asian Studies mời làm nhân viên nghiên cứu (Fellow), sau khi đã làm việc với tư cách đó trong mấy năm ở Institute of Development Studies ở Tokyo. Lúc đó, giữa anh ấy với tôi, không có gì ngăn cách, vì anh đã bỏ cộng sản.

Trong thời gian ở Singapore, tôi có dịp tiếp xúc nhiều với anh Trí, hoặc trong những buổi làm việc chung, hoặc trong những buổi tụ hội thân mật ở nhà trọ của anh, hay chuyện trò khá dài và rất cởi mở ở bờ biển Singapore. Qua những cuộc tiếp xúc đó, có hai điều làm tôi để ý: 1/ anh ấy tỏ ra còn hận thù cộng sản hơn cả những người Quốc gia chống cộng; 2/ anh ấy có một sự hiểu biết về chế độ cộng sản Việt Nam sâu rộng hơn sự hiểu biết của tất cả những tác giả đã viết về Việt Nam mà tôi đã đọc. Đây là điểm liên hệ đến tính cách đặc biệt của tác phẩm cần được giải thích.

Muốn viết chính xác và khó phản bác được về chế độ cộng sản Việt Nam phải thỏa mãn 10 điều kiện, trong đó có ba điều kiện căn bản.<sup>2</sup> Ba điều kiện đó là:

- 1/ biết rõ Đảng Cộng Sản Việt Nam từ trong;
- 2/ là một người cộng sản tỉnh ngộ;
- 3/ nằm ngoài vòng truy hiếp của nhà cầm quyền cộng sản Việt Nam.

Theo tôi biết, hiện nay, anh Trí là một trong những người rất hiếm có hội đủ những điều kiện trên đây, ngoài những điều kiện khác.

Anh Trí là Tiến sĩ Luật Khoa (ban Kinh tế). Anh ấy đã được đào tạo tại những trường quốc tế danh tiếng. Ở những nơi đó, anh đã được huấn luyện kỹ về phương pháp sâu tầm, nghiên cứu khoa học. Luận án của anh ấy viết về kinh tế của một nước cộng sản, tất nhiên anh phải

nghiên cứu kỹ càng về các chủ thuyết Mác, Lê-nin, cùng chính trị, kinh tế, xã hội của lịch sử cận kim. Anh đã được mời làm việc tại các trung tâm quốc tế có uy tín. Điều này chứng minh là trình độ học thuật và chuyên môn của anh được các giới quốc tế đánh giá rất cao.

Về hiểu biết về cộng sản, anh là một người hiếm có, vừa hội đủ những điều kiện trên đây, vừa là một người cộng sản, đã làm “cách mạng” với cộng sản trong 32 năm: tám năm với CS Pháp (1952-1960), và 24 năm với ĐCS Việt Nam (1960-1984). Ngay sau khi tốt nghiệp (năm 1960), anh quyết định hồi hương để theo “Cách mạng.” Anh đã phục vụ ở Ủy Ban Khoa Học Xã Hội Việt Nam, với tư cách là chuyên viên trong Viện Kinh tế ở Hà Nội và Viện Khoa Học Xã Hội ở Thành phố Hồ Chí Minh.

Anh Trí đã ở với cộng sản Việt Nam một thời gian rất dài; do đó, anh có đủ điều kiện biết rõ chế độ từ trong. Anh ấy tiết lộ với tôi rằng ngay sau sáu tháng đầu, anh đã nhận thấy là anh lầm rồi, nhưng không thể công khai chống chế độ, và không làm được gì khác hơn là tiếp tục cho đến khi có cơ hội “nhảy” được. Năm 1984 anh mới thực hiện được cuộc “nhảy” này. Và từ đó anh đã tích cực tham gia cuộc tranh đấu cho dân chủ.

Dĩ kiện trên đây là một điều may: nhờ chống chế độ, tuy rằng chỉ chống ngầm thôi, anh Trí đã chú ý đến những khía cạnh tiêu cực, xấu, “mặt thực” của chế độ, mà họ muốn giấu đi. Hơn nữa, với sự huấn luyện anh đã hấp thụ được, anh biết rõ cần biết những gì, và tìm ở đâu để hiểu rõ chế độ cộng sản chỉ là một CCVS, một cụm từ mà anh thích dùng để nói “chuyên chế vô sản.”

Cuối cùng, ở ngoài tầm truy hiếp của công an và những ủy viên kiểm soát tư tưởng của Đảng, anh Trí được tự do nói hết được những gì mình muốn nói hay thấy cần phải nói lên, không bị vướng mắc nhiều ít vì lý do này hay lý do khác, như trường hợp của những người tranh đấu ở trong nước.

Những chi tiết trên đây được nhắc đến để nhấn mạnh tính cách đặc biệt của tác phẩm *Việt Nam Cần Đổi Mới Thật Sự*. Hai chữ then chốt ở đây là “thật sự.” Nó là chủ đề của tác phẩm. Quyển sách này được sáng tác với một chủ đích rõ ràng, là: đánh tan một số ngộ nhận về chế độ cộng sản hiện tại, nhất là trong các giới Việt kiều và quan sát viên ngoại quốc. Anh Trí viết

quyển sách này để cảnh báo: lời cảnh báo “như một số người lầm tưởng” được nhắc đi nhắc lại nhiều lần, cũng như cụm từ “cái gọi là,” được gắn liền với các danh xưng mà ĐCSVN thường dùng để che đậy thực chất của chế độ họ: “chủ nghĩa xã hội đổi mới,” “nhà nước pháp quyền chủ nghĩa xã hội,” “nhà nước của dân, do dân, vì dân,” “Dân chủ xã hội chủ nghĩa” v.v....

Anh Trí đã vạch trần sự xảo trá của ĐCSVN về việc dùng “cái bẫy ngữ nghĩa” (semantic trap) để lường gạt người khác về “đổi mới,” và về bản chất của chế độ cộng sản Việt Nam hiện tại. Với người ngoài, cộng sản Việt Nam rêu rao “đổi mới,” nhưng với nhau thì họ nhấn mạnh “đổi mới nhưng quyết không đổi màu”; họ thường tuyên bố về “tư nhân hoá,” và “thành phần kinh tế tư nhân,” nhưng đó không phải là con đường rẽ để đi tới chủ nghĩa tư bản mà, trái lại, là một con đường vòng để quá độ lên chủ nghĩa xã hội; về căn bản, chế độ hiện tại của họ vẫn là một chế độ CCVS.

Có một điểm nữa cần ghi là: khác với rất nhiều tác giả khác, anh Trí không nói bừa, hay nói bằng quơ: tất cả những gì anh đưa ra đều tôn trọng nguyên tắc khoa học “nói có sách, mách có chứng.”

## Kinh tế “đổi mới”: vẫn là XHCN

Bây giờ xin bàn đến cấu trúc và nội dung của tác phẩm.

Cấu trúc của tác phẩm nói lên trọng tâm tư tưởng của anh Trí về vấn đề đổi mới. Sách dài 256 trang, chia làm 3 chương: chương I nói về “Ý thức hệ của chính sách đổi mới,” chương II nói về “Đổi mới kinh tế,” chương III nói về “Đổi mới chính trị.” Ba chương này không cân đối: chương I gồm chỉ có hai phần, dài 30 trang; chương II gồm ba phần, dài 40 trang; chương III gồm 10 phần, dài 134 trang. Rõ ràng khía cạnh chính trị lấn áp hai khía cạnh ý thức hệ và kinh tế. Lý do là anh Trí muốn đánh tan một quan niệm mà anh cho là sai lầm, hấp tấp, lan tràn trong nhiều giới cho rằng ĐCSVN “đã từ bỏ CNXH” và đi theo con đường tư bản chủ nghĩa. Những giới này muốn tránh né vấn đề chính trị. Anh Trí thì ngược lại. Anh đã bỏ rất nhiều công để làm thật rõ quan điểm: đổi mới, thật sự, không phải là một vấn đề kinh tế, mà là một vấn đề chính trị; muốn đổi mới kinh tế, phải đổi mới chính trị.

Về nội dung thì ở chương I, anh Trí nhấn

mạnh rằng cơ sở ý thức hệ (hay “tư duy chính trị”) của chính sách “đổi mới” chỉ là “một sự chuyển hóa” từ CNXH cổ điển sang cái gọi là CNXH *đổi mới* “theo kiểu Mác-Lê-Đặng” và tư tưởng Hồ Chí Minh. Họ đã bắt chước “một cách mù quáng” mô hình Trung Quốc, chứa đựng đầy mâu thuẫn khó dung hòa.

Về tư tưởng Hồ Chí Minh, thì ĐCSVN nêu bật lên tư tưởng này không phải vì họ muốn thay thế chủ nghĩa Mác-Lê đã lỗi thời bằng tư tưởng Hồ Chí Minh, mà họ chỉ dùng uy danh của Hồ Chí Minh để lừa phỉnh nhân dân dễ dàng hơn, vì ông này được coi như còn có ít nhiều bản sắc dân tộc. Nhưng, thật ra, cơ sở ý thức hệ của ông Hồ chính là chủ nghĩa Mác-Lê. Ông vẫn coi nó là “học thuyết đúng nhất, cách mạng nhất,” và là “kim chỉ nam cho hành động.”

Tư tưởng Hồ Chí Minh có năm điều chủ yếu: 1/ Mác-Lê là chủ nghĩa đúng đắn nhất; 2/ lãnh đạo của Đảng phải tuyệt đối; 3/ áp dụng triệt để “chuyên chế vô sản” kiểu Mác, Lê-nin, Stalin; 4/ tiến thẳng lên chủ nghĩa xã hội; 5/ giữ vững tinh thần quốc tế vô sản.

Trong những điều trên đây, chủ trương tiến thẳng lên CNXH là “nguyên nhân” của cuộc khủng hoảng toàn diện, khủng hoảng tổng thể của xã hội, khủng hoảng tất cả các lãnh vực...: kinh tế và xã hội, tinh thần và đạo đức, tư tưởng và chính trị.” Phần khác, “tiến thẳng lên CNXH” là “sai lầm to lớn nhất của Hồ Chí Minh trong lãnh vực kinh tế.” Anh Trí kết luận rằng: “nếu dựa vào tư tưởng Hồ Chí Minh” để hỗ trợ cho chính sách “đổi mới” chính trị thì phải nói thẳng ra là “có *đổi* nhưng không có *gì mới!*”

Khía cạnh “Đổi mới kinh tế” được bàn đến ở chương II. Anh Trí nhận xét rằng trước năm 1986 Việt Nam “lâm vào khủng hoảng suy thoái trầm trọng” vì ĐCSVN đã “bắt chước một cách máy móc mô hình XHCN theo kiểu Stalinít-Maoít.” Đại hội 6 của ĐCS đã đưa ra chính sách “đổi mới,” bỏ chế độ bao cấp, và chấp nhận một nền kinh tế “nhiều thành phần.” Đến Đại hội 7, ĐCS lại nói rõ rằng kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải “vận hành theo cơ chế thị trường, có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng XHCN.” Đại hội 8 lại nhấn mạnh thêm rằng nền kinh tế nhiều thành phần phải “nhằm mục đích xây dựng XHCN” chứ không phải đi theo con đường tư bản chủ nghĩa.

Chủ trương của ĐCSVN đưa ra từ đầu năm 1990 “cũng là sao chép mô hình kinh tế thị trường của ĐCS Trung Quốc.”

Đặc điểm của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa mà ĐCSVN chủ trương là kinh tế quốc doanh. Theo giáo điều, “ĐCSVN không chấp nhận việc để bất cứ ai tham gia vào việc phát triển lực lượng sản xuất mà chỉ để dành việc này chủ yếu cho kinh tế quốc doanh mà thôi.” Như thế, mới đi đúng định hướng XHCN. Nhưng, anh Trí nói, “kẹt” là ở đó: kinh tế quốc doanh làm ăn tồi quá, không phát triển lực lượng được bao nhiêu trong nhiều năm qua. Bế tắc chính là ở chỗ “cái “lô-gích” của ĐCSVN dẫn đến nghịch lý như vậy.”

Anh Trí ghi nhận rằng trong 25 năm từ Đại hội 4 (1976) đến Đại hội 9 (2001), các lãnh đạo ĐCSVN đã nhiều lần khẳng định là với chính sách “công nghiệp hóa XHCN” – mà họ cho là ưu việt hơn công nghiệp hóa tư bản chủ nghĩa – Việt Nam sẽ trở thành một nước công nghiệp hiện đại, nhưng “thực tế hoàn toàn phủ định tham vọng này.” Năm 1976, Lê Duẩn tuyên bố Việt Nam “đẩy mạnh công nghiệp hóa XHCN để đưa nền kinh tế nước ta từ sản xuất nhỏ lên sản xuất lớn XHCN trong vòng 20 năm,” nghĩa là năm 1996. Nhưng năm 1996, Đại hội 8 lại khẳng định là chỉ trong vòng 20 năm nữa, nghĩa là năm 2015, Việt Nam mới trở thành một nước công nghiệp hiện đại hóa. Đại hội 9, năm 2001, lại khẳng định là mục tiêu đó sẽ đạt được vào năm 2020... Các mô hình mà ĐCSVN đã áp dụng từ 1976 đến nay đều thất bại, đẩy công nghiệp Việt Nam “vào bước suy thoái chưa từng có,” và “đang dẫn đến bế tắc.” Máy móc, thiết bị của các doanh nghiệp nhà nước của ta “lạc hậu so với thế giới và khu vực từ 10 đến 20 năm, thậm chí 30 năm..., trình độ cơ khí hoá, tự động hóa dưới 10%, mức độ hao mòn hữu hình từ 30 đến 50%.” Trên đây là những nhận xét mà anh Trí trích của chính những chuyên gia của chế độ.

Theo một chuyên gia của Đại học trứ danh Harvard, GS. David Dapice, thì nếu tăng trưởng của Việt Nam trong tương lai chỉ là 6%/năm thì GDP/đầu người của Việt Nam trong 20 năm nữa (2022) cũng chưa đạt được một nửa GDP/đầu người của Thái Lan năm 1999. Và nếu mức tăng trưởng của Việt Nam là 10%/năm thì chỉ đến năm 2019 GDP/đầu người của Việt Nam mới vượt GDP/đầu người của Thái Lan

vào năm 1999!

Điều đáng chú ý, anh Trí nhấn mạnh, là “kinh tế Việt Nam hiện nay là một nền kinh tế hỗn hợp tích lũy các khía cạnh tiêu cực nhất, vừa của CNXH hoang tàn, vừa của tư bản hoang dại, theo kiểu Trung Quốc.” Cơ bản, kinh tế Việt Nam vẫn là một kinh tế xã hội chủ nghĩa, trong khi Việt Nam là một nước lạc hậu. Quan hệ giữa CNXH và sự lạc hậu là một “quan hệ nhân quả.” Nguyên nhân trực tiếp của sự lạc hậu của Việt Nam là CNXH.

### **ĐCSVN: đường lối, chính sách**

Như đã nói ở trên, tác phẩm của anh Trí nặng phần chính trị hơn là phần kinh tế và ý thức hệ: chương III (134 trang), dài gần gấp đôi hai chương I và II (140 trang) hợp lại. Điều này làm nổi bật sự kiện chính trị là yếu tố quyết định. Như chính anh nói trong phần “Kết Luận”:

*“Theo tôi, cải cách kinh tế hiện nay đang đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ [theo hướng dân chủ hoá thật sự] và nếu không có cải cách chính trị thì cải cách kinh tế sẽ bế tắc; “nền dân chủ [đa nguyên] củng cố tự do kinh tế, và do đó là nền tảng của sự tăng trưởng”; “dân chủ là động cơ chính đáng để phát triển kinh tế.”*

Trong phần mở đầu của chương III, anh Trí nhấn mạnh rằng [chủ nghĩa Mác-Lê] “CNML chưa biến mất ở Việt Nam, khác với một số người thường nói. Ngược lại, nó vẫn tiếp tục vận hành trong thực tế hàng ngày, dù có một vài biến đổi không quan trọng so với trước đây;...” cái gọi là “chuyên chính vô sản” (CCVS)... cũng đang được thực hiện hàng

ngày... không thể nói là CNML không còn tồn tại ở Việt Nam; nó chỉ biến dạng một phần nào đó thôi. Và điều đáng tiếc là các *mặt xấu nhất* của nó vẫn tồn tại, cả trong lĩnh vực chính trị lẫn lĩnh vực kinh tế.”

Suốt trong mấy chục trang kế tiếp, anh mô tả một cách tỷ mỉ, sắc bén, những “mặt xấu nhất” của CCVS. Về phương diện này, tác phẩm của anh Trí là một tài liệu rất đặc biệt, vô cùng quý báu cho những người nghiên cứu về cộng sản Việt Nam. Anh đã phanh phui ra, thu góp và sắp xếp lại một cách ngăn nắp và hợp lý không biết bao nhiêu chi tiết về chế độ đó.

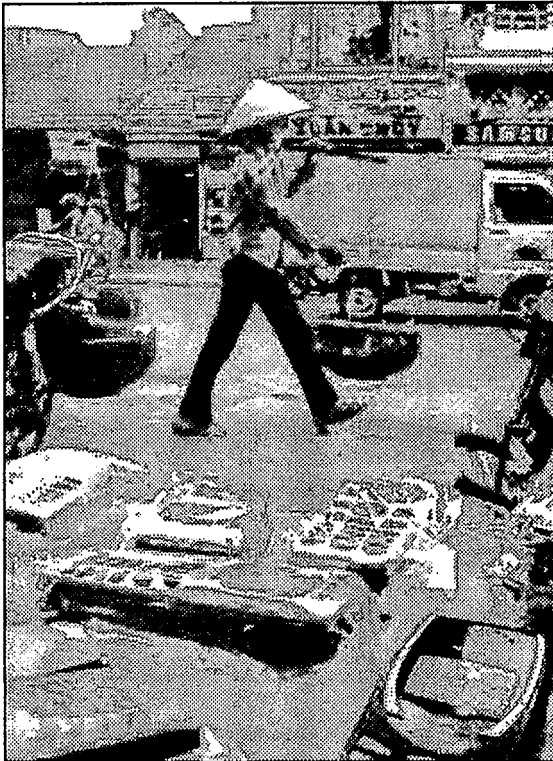
Anh đã soi sáng hầu hết các khía cạnh của ĐCSVN. Một điều đáng ghi ở đây là anh Trí đã căn cứ vào các nguồn tin xuất phát từ giới cộng sản — tài liệu của Đảng, các tuyên bố, tiết lộ của lãnh đạo ĐCSVN, hay của những người từng giữ chức lớn trong guồng máy quyền hành Đảng —, hoặc của những giới quốc tế có tiếng là đứng đắn, khả tín nhất. Do đó, có thể nói rằng những dữ kiện và những nhận xét anh đưa ra rất chính xác.

Vì thiếu chỗ, không thể đề cập đến tất cả những gì anh Trí đã nêu lên. Dưới đây, tôi chỉ trích dẫn một số nhận xét về lý thuyết, lý

luận, chủ trương, đường lối, chính sách, đáng ghi nhất của tác phẩm, và một số dữ kiện soi sáng CCVS nhất về nếp sống của những kẻ quyền thế trong chế độ cộng sản Việt Nam hiện nay.

### **Về sai lầm lớn nhất của ĐCSVN:**

“Nhìn chung... *sai lầm lớn nhất* và cũng là *bao trùm* tất cả các sai lầm của ĐCSVN từ khi lên nắm chính quyền đến nay là *sự cố tình chọn con đường “tiến lên CNXH” theo kiểu Mác-Lê*, riêng cho miền Bắc từ năm 1957... và cho cả



Hình ảnh kinh tế Việt Nam hiện nay: Người gánh hàng rong đi ngang qua một tiệm bán điện thoại di động ở Hà Nội.

nước tại Hội nghị Trung ương ĐCS lần thứ 24 hồi tháng 08.1975. Những sai lầm trong lĩnh vực đối nội (chính trị, kinh tế, văn hóa, v.v...) cũng như đối ngoại... đều bắt nguồn từ sự lựa chọn có tính cách chiến lược đó.”

#### Về chuyên chính vô sản:

“CCVS... trên thực tế chỉ là sự chuyên chính của tập đoàn lãnh đạo của ĐCS, hay nói đích xác hơn là ‘chuyên chính một bè lũ’ gồm 3-4 người lãnh đạo mà thôi. Họ tượng trưng cho một chính quyền xây dựng trên nòng súng... nhằm duy trì càng lâu càng tốt cái gọi là ‘ổn định’ chính trị trong cả nước.”

“Chuyên chính vô sản ở Việt Nam còn có một sự tương liên đến chuyên chính vô học và vô văn hoá nữa... người kém, dở lại lãnh đạo người giỏi... Những nhà trí thức ngoan ngoãn, cơ hội chủ nghĩa về mặt chính trị hoặc nịnh hót thì được thăng cấp khá nhanh dù kém về chuyên môn... Vì vậy cho nên Việt Nam không thể có điều kiện để bật nẩy thiên tài.”

#### Về các nhà ngoại quốc và dân chủ của CS:

“... hiện nay cũng như trước đây dưới thời ông Lê Duẩn, trong kho tàng biệt ngữ mà ĐCSVN thường dùng cái gọi là ‘dân chủ XHCN,’ ‘Nhà nước XHCN,’ hoặc ‘Nhà nước pháp quyền XHCN,’ ‘Nhà nước của dân, do dân, vì dân’ đều là những hiện tượng (phenomena) phản ánh một bản chất duy nhất, đó là bản chất (essence) của chuyên chính vô sản, đều đồng nghĩa với khái niệm CCVS.”

Anh Trí nói: khi các nhà lãnh đạo Việt Nam nói về ‘dân chủ’ ở Việt Nam thì có nhiều nhà nghiên cứu và Việt kiều ‘vỗ tay reo mừng rằng các nhà lãnh đạo cộng sản cũng ‘dám’ nói tới dân chủ... Họ đâu có ngờ rằng khi ĐCSVN nói tới ‘dân chủ’ tức họ ám chỉ một nền ‘dân chủ’ do ĐCS nặn ra và do ĐCS lãnh đạo, và loại ‘dân chủ’ này phản ánh đúng bản chất của ‘chuyên chính vô sản’ ...”

#### Về nguyên tắc “tập trung dân chủ”

Về điểm này anh Trí nói:

“Trong các tài liệu chính thức của ĐCSVN khi họ nói tới ‘tập trung dân chủ’ (tập trung: danh từ; dân chủ: tính từ) thì có nghĩa là họ nói về nguyên tắc tổ chức, hoạt động trong đảng và nhà nước XHCN, chứ họ không bao giờ dùng cụm từ “dân chủ tập trung” (dân chủ: danh từ; tập trung: tính từ) với ý nghĩa là một thể chế, một chế độ chính trị-kinh tế cả... Và lại, trong báo chí, sách vở thì ĐCSVN thường dùng cụm

từ “dân chủ nhất nguyên” tức là một “nền dân chủ dưới sự lãnh đạo duy nhất của đảng,” hoặc “dân chủ XHCN” để đối lại cụm từ dân chủ đa nguyên, đa đảng...” Anh nói cần nhấn mạnh rằng biệt ngữ “dân chủ nhất nguyên” mà ĐCSVN đang dùng là “một mâu thuẫn lớn trong từ ngữ,” là “một quái tượng về mặt chính trị,” vì thông thường mà nói, nền dân chủ thực sự “tất yếu là phải đa nguyên chứ không thể nhất nguyên, độc đảng được.”

#### Về bạo lực và đối trá của ĐCS và Nhà nước:

“Ở Việt Nam, cũng như ở các nước XHCN toàn trị khác, ‘bạo lực cách mạng’ được thực hiện hàng ngày và được nâng lên thành một thể chế, trong lúc đó thì thái độ đối trá một cách có hệ thống của ĐCS và Nhà nước XHCN đối với dân được nâng lên thành một quốc sách, và hai hiện tượng này có quan hệ hữu cơ, gắn bó mật thiết với nhau... trong suốt quá trình tồn tại của ĐCSVN đầu óc sùng bái bạo lực của họ rất nặng...”

“Điều đáng chú ý là hiện nay thái độ đối trá, giả dối của chính quyền đã từ lâu lan ra cả xã hội... Đảng cộng sản lãnh đạo đã tạo ra và hình thành một xã hội đối lừa, lãnh đạo đối lừa, làm ăn giả dối, bằng cấp giả dối, đến gia đình cũng lừa dối...”

#### Nhà nước của dân, do dân, vì dân

“Sau ông Hồ, tất cả các Tổng bí thư... đều dùng thuật ngữ này về mặt hình thức, nhưng đã thay đổi hoàn toàn về mặt nội dung. Các nhà lãnh đạo ĐCSVN đã đánh tráo nội dung tiến bộ, thật sự dân chủ do Abraham Lincoln đề xướng với một nội dung độc tài, toàn trị của chế độ XHCN ... ‘Nhà nước của dân, do dân, vì dân’ được dùng một cách phổ biến từ năm 1991 đến nay để thay thế cụm từ ‘chuyên chính vô sản’ (CCVS) – một cụm từ làm cho ai cũng khiếp sợ ! — khiến cho một số người, cả học giả ngoại quốc lẫn Việt kiều, hiểu lầm rằng ở Việt Nam không còn ‘chuyên chính vô sản’ nữa từ khi có đổi mới... Sở dĩ ĐCSVN thay thế (chứ không bao giờ từ bỏ) ‘CCVS’ bằng thuật ngữ ‘Nhà nước của dân, do dân, vì dân’ là vì họ muốn tạo ra một ảo tưởng ‘đổi mới’ về mặt chính trị và tâm lý, nhưng đó chỉ là một mưu mẹo nhằm lừa gạt nhân dân và dư luận quốc tế mà thôi.”

“Nhà nước XHCN Việt Nam không phải ‘do dân’ thiết lập; và mục tiêu chủ yếu của nó cũng

không phải nhằm phục vụ nhân dân, tức là nó không phải 'vì dân.' Do đó, không thể nói Nhà nước này là 'của dân' được. Giản đơn thế thôi!"

Trên thực tế, Nhà nước XHCN ở Việt Nam chỉ là Nhà nước của Đảng, do Đảng và vì Đảng mà thôi."

### Nhân sự: "Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN"

Trên đây, các khía cạnh lý thuyết, ý thức hệ, đường lối, chính sách của ĐCSVN đã được đề cập đến. Nhưng ta cũng muốn biết ĐCSVN về khía cạnh nhân sự: bản chất, phong độ, lối cư xử của họ, trong đời sống hàng ngày. — mặt thật của họ —, đặc biệt là ở cấp lãnh đạo. Những trang dưới đây sẽ cho ta thấy rằng anh Trí đã thu góp được rất nhiều dữ kiện soi sáng ĐCSVN về khía cạnh này.

Một trong những điều đáng ghi nhất là: ĐCSVN công khai tự hào là một tổ chức của những giới vô sản, nhưng trong thực tại, nó lại là một tổ chức rất giàu, và những kẻ có chức quyền cao trong Đảng cũng rất giàu!

Năm 1996, theo Phòng thương mại Việt-Mỹ, tài sản của ĐCSVN lên tới 20 TỶ US \$, tức là tương đương với GDP (Tổng Sản Lượng) của Việt Nam năm 1995. Có 100 đảng viên có tài sản lên tới 300 triệu US\$ trong năm 1996.

Anh Trí nhận xét: "Điều ấy nói lên sự giàu có của ĐCS ở trong một những nước nghèo nhất thế giới!" Lại nữa:

"Ban Kinh tài của ĐCSVN với hàng nghìn cán bộ là 'công cụ của Mafia của ĐCS,' nó có chín Phó ban chuyên môn kinh doanh về ngoại tệ, ma túy, vũ khí, doanh nghiệp và đơn vị sự nghiệp của ĐCS, đất đai, nhà cửa và biệt thự."

"Các nhà quan sát ngoại quốc cho rằng sở dĩ từ giữa những năm 90 trở đi, ĐCSVN tìm cách đầu tư trong nhiều lĩnh vực — từ tiệm cơm cho tới ngân hàng — là vì họ muốn xây dựng một cơ sở tài chính vững mạnh cho nền tảng thống trị của họ trong đời sống chính trị của đất nước trong tương lai."

"Một điểm cần lưu ý nữa là trong điều khoản 46 của "Điều lệ (bổ sung) của ĐCSVN (do Đại hội IX của Đảng thông qua) có ghi rõ là một trong những nguồn tài chính rất quan trọng của ĐCSVN là 'ngân sách nhà nước và các khoản thu khác.' Cho nên, không lấy làm lạ khi ta thấy ĐCS điem nhiên lấy tiền của ngân sách nhà nước (tức là tài sản của toàn dân) để chi cho các tổ chức của ĐCS và phụ thuộc của Đảng."

Về giới lãnh đạo ĐCS, mà anh Trí gọi là "Tập đoàn lãnh đạo Việt Nam," thì anh đã đưa ra vô số dữ kiện làm cho ta nếu không rung mình, thì cũng kinh ngạc.

Theo anh Trí, đặc điểm chung của "Tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN" là:

"Từ khi khối Liên-xô — Đông Âu sụp đổ, trong ĐCSVN trên thực tế đã xuất hiện hai tầng lớp đối lập nhau rõ rệt: một tầng lớp thống trị nắm quyền hành với những đảng viên giàu có, những nhà 'tư bản đỏ' với nhiều biệt thự, xe ô-tô và doanh nghiệp do vợ con nắm, sống xa hoa phê phỡn, thậm chí còn có thể chuyển US\$ ra nước ngoài để kinh doanh và chuẩn bị cơ sở làm ăn và sinh nhai cho thời kỳ hậu cộng sản, và một tầng lớp bị trị của những đảng viên liêm chính, những cựu chiến binh và thương binh, những người nghỉ hưu, thật sự vừa vô sản lại vô quyền, sống nghèo khổ và vất vả."

"...đảng viên có chức có quyền, trong đó một số ít nhờ chức quyền mà có tiền, cực kỳ lắm tiền, đang chi phối mọi công việc của đảng, của đất nước; chức, quyền, tiền ấy đã kết họ lại thành một giai tầng mới, giai tầng 'tài phiệt đỏ'... Thế lực tài phiệt này đang làm giàu theo công thức dùng chuyên chính vô sản để tích lũy tư bản... và số tài sản mà họ đã và đang hối hả tích lũy chính là xương máu, mồ hôi, nước mắt của toàn thể nhân dân."

Anh Trí ghi nhận rằng "tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN đang bị mafia hoá một cách nghiêm trọng." Đáp câu hỏi tại sao giai cấp "tư bản đỏ" cố nứu chặt con thuyền XHCN, anh giải thích rằng "chỉ nhờ trương lên tấm biển XHCN họ mới có thể cướp bóc dân chúng một cách dễ dàng." Đảng đã bị "thoái hoá," biến chất, những đảng viên nắm quyền lực trở thành "một tầng lớp thống trị mới trong xã hội, với những lợi ích riêng, đối lập với lợi ích nhân dân." Nhiều đảng viên có chức có quyền "đã thật sự thành những tư bản mới đầu cơ quyền lực, biến quyền thành của cải, và gây ra một mâu thuẫn xã hội ngày càng gay gắt."

Về phương diện đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, anh Trí gọi là "suy thoái," và nói rằng có "vô số hiện tượng." Anh chỉ đề cập đến một số sự kiện "điển hình" mà thôi, như lạm phát bằng cấp giả, nạn mãi dâm, nghiện ma túy v.v...

Về bằng cấp giả, thì năm 2000, có hơn 3.000 bằng cấp giả bị phát hiện "mà thủ phạm chủ

yếu là cán bộ, đảng viên.” Một trường hợp điển hình là ông “Tiến sĩ” Nguyễn Tiên Hoà, Viện trưởng Viện nghiên cứu Khoa học thị trường và giá cả. Ông này đã gian lận thi cử, xử dụng bằng cấp bất hợp pháp và đã nhờ người thi hộ văn bằng Anh văn... Một trường hợp phi thường hơn nữa là ông “Tiến sĩ” Trần Hồng Thái, bị phát giác là chưa có học hết lớp 10 nhưng đã có ba bằng cấp tốt nghiệp đại học và hậu đại học.

Có sự lan tràn về bằng cấp giả, vì từ khi Nhà nước chủ trương “đại học hoá cán bộ đảng viên” thì mỗi cán bộ, đảng viên tại chức phải có bằng cấp để được điều chỉnh chức vụ của mình để được thăng tiến. Do đó, có tình trạng “*người có bằng giả thì ngồi đấy, người có bằng thật thì thất nghiệp.*” Anh Trí cho biết là có tới 65% giám đốc và tổng giám đốc các doanh nghiệp nhà nước không có khả năng hiểu được quyết toán tài chính hàng năm của doanh nghiệp. Anh lặp lại lời than vãn của một giáo sư quen thuộc ở Hà Nội: “Các học vị học hàm rơm, những tiến sĩ, viện sĩ giấy, những chức vụ hư danh thì không nước nào thế giới sản xuất nhanh, nhiều bằng ta. Mà khi những thứ này tràn ngập xã hội thì còn đâu cho trí tuệ chân chính phát triển.”

Về lối sống trụy lạc của cán bộ, thì chính Bộ Lao động và xã hội cộng sản thừa nhận là “trong số đàn ông đi tìm thú vui tại những lầu xanh thì 70% là cán bộ, đảng viên, bởi vì chỉ có họ mới có thừa tiền (do tham nhũng, buôn lậu v.v...) để có thể ăn chơi trác táng.” Còn về ma túy, thì, cũng theo một nguồn tin có thẩm quyền, trong số 100.000 người nghiện ma túy đã đăng ký tháng 7/2000 có tới 30.000 là cán bộ, đảng viên.

Anh Trí kết luận:

“Tóm lại, “quốc nạn” tham nhũng và buôn lậu, sự lạm phát bằng cấp giả để có thể chiếm giữ các chức lãnh đạo, ăn chơi trác táng, nghiện ngập xì ke, ma túy, v.v... đó là một số hiện tượng phổ biến hiện nay trong hàng ngũ đảng viên, những con người ‘XHCN’ mà ông Hồ đã công phu ‘trồng’ trong mấy chục năm qua!”

Một khía cạnh của sự tham nhũng của giới lãnh đạo ĐCSVN được anh Trí sừ tra rất đầy đủ là không phải chỉ những lãnh đạo ĐCSVN mà toàn gia đình họ lợi dụng quyền lực để làm giàu, mà đó là một hiện tượng phổ biến.

Anh nói:

“Chính nhờ có chức, có quyền cho nên đám vợ con các nhà lãnh đạo cao cấp mới có thể trở thành, một sớm một chiều những ‘doanh nhân lỗi lạc,’ và từ chỗ tay trắng, chân ướt chân ráo, nhảy vào một lĩnh vực không quen thuộc mà hiện nay túi họ đã đầy nhóc hàng triệu US\$.”

Và anh đưa ra một số, khá nhiều, ví dụ điển hình về:

- “Bà Cẩm,” vợ của cựu Thủ tướng Võ Văn Kiệt; “Cậu Nam,” con riêng của ông Võ Văn Kiệt; “Cậu Phương,” rể ông Tổng Bí thư Đỗ Mười; “Cậu Ty,” con Thủ tướng Phạm Văn Khải; “Cậu Tuấn Anh,” con của Chủ tịch nước Trần Đức Lương; “Cậu Diễm,” con của cựu Tổng bí thư Lê Khả Phiêu; “Cậu Vịnh,” con của Tướng quá cố Nguyễn Chí Thành; “Ông Công,” em của Tổng tham mưu trưởng Không quân quá cố Đào Đình Luyện; “Cậu Bình,” con rể của Đại tướng Võ Nguyên Giáp.

Hiện tượng “con ông cháu cha” lợi dụng quyền lực chính trị của ông cha để làm giàu là một hiện tượng rất phổ biến. Trên đây chỉ nói đến những kẻ làm ăn lớn nhờ có quyền lực lớn. Tất nhiên, theo quy luật “thượng bất chính hạ tắc loạn,” ta có thể đoán rằng toàn xã hội Việt Nam cũng theo gương cấp lãnh đạo mà “làm ăn” theo kiểu của họ.

### Phải “phi xã hội chủ nghĩa hoá”

Tít sách của anh Trí là *Việt Nam Cần Đổi Mới Thật Sự*. Bảy chữ này hàm chứa ba ý niệm lớn: 1/ Cần, 2/ Đổi mới, 3/ Thực sự. Tại sao “cần” thì người Việt nào biết ít nhiều lịch sử Việt Nam trong 100 năm qua đều biết, không cần bàn cãi. “Đổi mới” là gì, và ĐCSVN đã hiểu vấn đề này ra sao, đã giải quyết nó thế nào, với kết quả ra sao, đã được anh Trí phân tích, phê phán, và bác bỏ.

Tất nhiên anh Trí phải đưa ra những ý kiến, những đề nghị để thay thế những gì anh đã chủ trương bác bỏ, và giải thích thế nào là đổi mới “thực sự.” Những ý kiến, đề nghị này được trình bày trong chương “Kết Luận.”

Ở đoạn trên, quan niệm căn bản của anh Trí cho rằng “cải cách kinh tế đòi hỏi phải có cải cách chính trị một cách mạnh mẽ” đã được nhắc đến. Ở chương Kết Luận anh nói rõ rằng muốn “khai thông hoàn toàn” con đường phát triển kinh tế và có tầng trưởng kinh tế cao và

bền vững, thì phải có một “đột phá khâu” về mặt chính trị “theo hướng dân chủ hoá thật sự đất nước.” Anh nói rằng từ mấy năm nay, trong nước đã có người sáng suốt đề nghị như vậy.

Về phía ngoại quốc, anh Trí cũng trích dẫn những nhân vật trứ danh, kinh tế gia như ông Joseph Stiglitz, giải thưởng Nobel về Kinh tế, hay GS Janos Konai, một chuyên gia danh tiếng về kinh tế XHCN và hậu XHCN, những chính khách như Tổng thống Pháp, Francois Mitterand, Tổng thống Hoa Kỳ, Bill Clinton, để làm sáng tỏ thêm rằng phát triển không phải chỉ là tăng GDP mà còn là “tạo ra một xã hội tốt đẹp hơn, một xã hội dân chủ thật sự và công bằng”; rằng “dân chủ thật sự là động cơ chính đáng để phát triển kinh tế”; rằng “tự do, dân chủ tôn trọng nhân quyền là điều kiện cần thiết cho sự phát triển kinh tế”; rằng “**cải cách chính trị, chính quyền và ý thức hệ là điều kiện quyết định để mở đường cho các cải cách cơ bản trong các lãnh vực khác như kinh tế, xã hội và văn hoá.**”

Tóm lại, theo anh Trí, chế độ Hà Nội hiện nay về cơ bản vẫn là một chế độ XHCN toàn trị. Do đó, “đổi sách của những người dân chủ hiện nay là phải đấu tranh để **phi xã hội chủ nghĩa hoá** nó một cách toàn diện. Nói một cách khác, chúng ta cần phải kiên trì đấu tranh để dân chủ hoá thật sự đất nước, cả về mặt đối nội (chính trị và kinh tế) lẫn đối ngoại (chính sách ngoại giao).”

Một trong những ưu tư lớn của anh Trí là “phá vỡ bế tắc về trí tuệ” để mọi người đều có thể tham gia vào việc thảo luận phương án phát triển đất nước để kiếm một con đường đi thích hợp cho đất nước. Có tranh cãi tự do thì mới phá vỡ được sự bế tắc này. Do đó, anh Trí cho rằng trong số các tự do, tự do tư tưởng, tự do báo chí, tự do ngôn luận, tự do lập hội là quan trọng nhất, vì không có những tự do đó thì “mọi bàn luận về sự phát triển đất nước và hiện đại hoá... chỉ là vô ích. Bởi vì chỉ có những quyền tự do này mới tạo được sức mạnh trí tuệ toàn dân tộc, và chỉ có sức mạnh này mới đưa tới sự phát triển của đất nước.”

Về kinh tế, ở cuối chương II về “Đổi mới kinh tế,” anh Trí đưa ra “10 biện pháp cơ bản,” nhưng anh nhấn mạnh: để thực hiện 10 biện pháp kinh tế này “cần phải có một quyết tâm chính trị cao...” vì chỉ có một thể chế chính trị dân chủ thật sự mới có thể thực hiện một

**cách triệt để các biện pháp kinh tế nói trên.”** Hai mặt này gắn bó chặt chẽ với nhau, ảnh hưởng lẫn nhau “một cách biện chứng.” Anh nói rằng điều này dẫn anh đến việc phân tích “đổi mới” chính trị. Như người Mỹ thường nói trong trường hợp này: “He is back to square one”: vấn đề khởi đầu vẫn là chính trị!

Cho nên không lạ gì mà trong chương Kết Luận, anh Trí đưa ra “một chương trình hành động tổng quát.” Chương trình này nhằm “những người yêu chuộng tự do, dân chủ trong giai đoạn hiện nay.” Nó gồm năm điểm. Nguyên văn như sau:

“1. Yêu cầu chính quyền Hà Nội thả ngay những tù nhân chính trị, tôn giáo, và sắc tộc, và giải quân những người bị quản chế, đồng thời hủy bỏ nghị định 31/CP.

2. Thực hiện các quyền tự do dân chủ cơ bản đã ghi trong Hiến Pháp 1992, và nhất là trong “Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị,” đặc biệt là tự do ngôn luận, tự do báo chí, tự do tôn giáo, tự do hội họp và lập hội; từ bỏ điều 4 của Hiến Pháp 1992; và chấm dứt việc bưng bít thông tin giữa trong và ngoài nước.

3. Mạnh dạn cởi trói khu vực kinh tế tư nhân (nhất là kinh tế tư bản tư nhân); công nhận quyền tư hữu ruộng đất và các tài sản khác.

4. Cùng lúc, cải cách triệt để các doanh nghiệp nhà nước, song song với việc đẩy mạnh cải cách hệ thống ngân hàng như đã đề nghị bên trên.

5. Đảo ngược hoàn toàn trật tự ưu tiên trong chính sách ngoại giao hiện nay.”

[Anh Trí giải thích thêm điều 5 ở một đoạn sau: “tức là đặt lên hàng đầu quan hệ với các nước dân chủ, tư bản, và đặt ở hàng chót quan hệ với các nước XHCN, độc tài”]

Một điều cần ghi nhận ở đây là anh Trí chủ trương chuyển “chủ nghĩa xã hội đổi mới” hiện tại sang một “**hệ thống chính trị-kinh tế hoàn toàn phi xhcn**” một cách *hoà bình*. [T.T.T. nhấn mạnh]

Kinh nghiệm của 30 năm qua cho thấy rằng “tập đoàn lãnh đạo ĐCSVN” sẽ không chấp nhận một sự chuyển biến như vậy. Đối với họ, đó là “diễn biến hoà bình,” mà họ đã không ngừng tố giác. Vậy phải làm sao?

Anh Trí nghĩ rằng phải tạo ra một sự thay đổi tương quan lực lượng giữa ĐCSVN và đối lập. Muốn thế, về mặt chính trị và ngoại giao,



những người dân chủ phải “**kiên trì gây sức ép tối đa và liên tục**” để buộc ĐCS và nhà nước thực hiện dần năm yêu sách nói trên. Tới mức nào đó, **lượng sẽ biến đổi thành chất**, và sẽ có một sự **Thay đổi về chất**. Theo anh, ĐCSVN sẽ không tự ý chấp nhận một sự thay đổi triệt để hệ thống chính trị kinh tế hiện “nếu họ *không bị áp lực hết sức mạnh mẽ* hoặc nếu không có một sự biến động gì lớn.” Nhưng một khi đã xảy ra sự “**thay đổi về chất**” nói trên, khi tương quan lực lượng đã ngã hẳn về phía những người dân chủ, thì “dù muốn dù không, các nhà lãnh đạo cộng sản cũng không thể nào chống đỡ được, tức là phải ‘**đổi màu**’.” Để thực hiện chương trình hành động tổng quát đã được đề ra, anh Trí thấy cần lập lên một Liên Minh (hoặc Mặt Trận) Dân Chủ bao gồm tất cả các phần tử chính trị và tôn giáo đấu tranh cho dân chủ đa nguyên, cả trong lẫn ngoài nước, bất kể xu hướng chính trị và tôn giáo khác nhau trước đây. Để gây áp lực tối đa và liên tục với địch thủ, những người đối lập có thể áp dụng chiến thuật **Bốn Mũi Giáp Công**, hai ở trong nước, và hai ở ngoài nước.

Ở trong nước, Liên Minh Dân Chủ là lực lượng chính để tấn công chính quyền trong mọi lãnh vực. Liên Minh ủng hộ tất cả các yêu sách chính đáng của nhân dân lao động (chủ yếu là nông dân), trí thức, văn nghệ, thanh niên và sinh viên, phụ nữ và các dân tộc thiểu số.

Ở ngoài nước, ủng hộ áp lực của các chính quyền dân chủ và các tổ chức tài chính quốc tế khi họ đặt điều kiện cần thiết để viện trợ cho Việt Nam. Việt kiều cần yểm trợ cuộc đấu tranh để dân chủ hoá đất nước cả mặt vật chất lẫn tinh thần. Họ cần cung cấp đầy đủ và kịp thời các dữ kiện về các vụ đàn áp chính trị và tôn giáo cho các cơ quan quốc tế lo về vi phạm nhân quyền, và tích cực vận động họ tố cáo các hiện tượng nói trên.

Trong bốn mũi giáp công nêu trên, anh Trí nhấn mạnh hai mũi tấn công ở trong nước là **chủ lực** có ý nghĩa **quyết định**. Điều này rất đúng, vì thực tế mà nói, chỉ có những người ở trong nước mới có khả năng làm thay đổi tình thế. Hiện nay, ngoài “**diễn biến hoà bình**,” mà lãnh đạo ĐCS tuy để ý, nhưng không sợ, và chỉ tổ giác ồn ào để biện minh cho sự cần thiết duy trì “**ổn định**,” anh Trí đề cập đến một biến chuyển làm cho lãnh đạo ĐCS rất lo

sợ. Đó là “**TỰ diễn biến hoà bình**,” một hiện tượng xuất phát từ ngay trong lòng ĐCS vì một số càng ngày càng đông đảng viên đã “**quay lưng lại với đảng, phản bác cương lĩnh, đường lối...**” Anh Trí trích một lời tuyên bố rất có ý nghĩa của một viên chức cao cấp của ĐCSVN: “**Không có một nước nào có thể trực tiếp lật đổ chủ nghĩa cộng sản ở Việt Nam, và chỉ có người cộng sản mới có thể lật đổ được người cộng sản đang cầm quyền hiện nay.**” Nguy cơ “**tự diễn biến hoà bình**” này đã được cụ thể hoá bằng sự thành lập một tổ chức đối lập công khai. Đó là “**Nhóm Dân Chủ**” do một số người đề xướng mà nay đã thành những tên quen thuộc đối với những người tranh đấu cho dân chủ: Lê Chí Quang, Phạm Hồng Sơn, Nguyễn Văn Bình, Nguyễn Khắc Toàn, v.v..., mà anh Trí gọi là “**chiến sĩ dân chủ**.”

Vì những lý do nêu trên, anh Trí kết luận với một tư tưởng lạc quan:

“**Con đường đấu tranh để dân chủ hoá đất nước thì, ai cũng biết, là rất gay go gian khổ. Nhưng chắc chắn**” rốt cuộc thì những chiến sĩ dân chủ sẽ giành được thắng lợi vì tập đoàn lãnh đạo cộng sản dù có ngoan cố tới đâu đi nữa thì cũng *không thể nào* đi ngược mãi cao trào Dân chủ đa nguyên của thời đại.” Nhưng, để duy trì tinh thần thực tế, anh Trí cũng trích thêm một lời của cựu Tổng Thống Tiếp Khắc: “**Hãy gieo hạt, và biết chờ đợi!**”

Sự chờ đợi này sẽ dài hay ngắn, tùy sự phát triển nhanh hay chậm của “**tự diễn biến hoà bình**,” trừ phi có một trường hợp mà không phải là không có thể không xảy ra, mà không phải là anh Trí không có nghĩ đến. Đó là: “**một biến động gì lớn.**”

Ottawa, tháng 3, 2004

1. Đông Á, 2147 Commercial Drive, Vancouver, B.C., V5N 4B3, Canada, Tel: 604-251.2222, Fax:604-251.2279, E-Mail: <pham-van@yahoo.com>., Gia....?

2. Vì thiếu chỗ, không thể kê hết 10 điều kiện đó được. Trong bài này chỉ có thể nói đến 3 điều kiện quan trọng và đặc biệt nhất cho các tác phẩm nói về Việt Nam.

3. Trong bài này, trừ một số ft sẽ được báo riêng, tất cả các gạch đậm và nhấn mạnh là của anh Võ Nhân Trí.